

BỘ NỘI VỤ-BỘ TƯ
PHÁP-TOÀ ÁN NHÂN
DÂN TỐI CAO-VIỆN
KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
Số: 04/TTLN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 1986

THÔNG TƯ LIÊN NGÀNH

**của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp,
Bộ Nội vụ số 04/TTLN ngày 26 tháng 12 năm 1986 hướng dẫn
việc áp dụng thời hiệu thi hành bản án hình sự**

Để thi hành Điều 46 Bộ Luật Hình sự về thời hiệu thi hành bản án hình sự được đúng đắn và thống nhất, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp hướng dẫn như sau:

I- Ý NGHĨA CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN HÌNH SỰ

Về nguyên tắc, các bản án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành nghiêm chỉnh, cho nên các các Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và cơ quan Công an phải thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình và phải phối hợp chặt chẽ với nhau để bảo đảm những người bị kết án phải thi hành đầy đủ các quyết định của bản án. Tuy nhiên, trong thực tế, cũng có một số trường hợp do thiếu sót của các cơ quan thi hành án, có một số bản án bị bỏ quên hoặc bị thất lạc, không được thi hành. Nếu trong một thời gian dài, người bị kết án đã làm ăn lương thiện, không phạm tội mới, không trốn tránh pháp luật, thì không cần thiết phải bắt họ thi hành bản án nữa. Vì vậy, pháp luật quy định thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn bản án có hiệu lực thi hành, hết thời hạn đó, nếu chưa thi hành thì không được thi hành nữa. Quy định đó thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta đối với người bị kết án. Việc áp dụng thời hiệu thi hành bản án hình sự phải chặt chẽ, để đề phòng những sơ hở hoặc hiện tượng tiêu cực trong khi thực hiện.

II- ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGƯỜI BỊ PHẠT TÙ ĐƯỢC HƯỞNG THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN

Theo khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự thì người bị phạt tù có thời hạn không bị buộc phải chấp hành bản án khi có đủ ba điều kiện sau đây:

1. Tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (ngày tuyên bản án sơ thẩm đồng thời chung thẩm; ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị nếu bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; ngày tuyên án phúc thẩm hoặc ngày hết hạn kháng án vắng mặt^(*) đối với người được kháng án vắng mặt bản án phúc thẩm) đã qua những thời hạn sau đây:

(*) Bộ Luật Tổ tụng hình sự không quy định thủ tục kháng án vắng mặt.

- a) Năm năm đối với các trường hợp xử phạt tù 5 năm tù trở xuống;
- b) Mười năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 5 năm đến 15 năm;
- c) Mười lăm năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm.

Đối với các bản án có tổng hợp hình phạt của nhiều bản án thì căn cứ để tính thời hiệu là hình phạt tổng hợp và thời hiệu tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật. Nếu trong bản án có nhiều người bị kết án thì mỗi người được áp dụng thời hiệu riêng phù hợp với mức hình phạt của họ.

Theo Điều 44 Bộ Luật Hình sự thì người được hưởng án treo mà không phạm tội mới trong thời gian thử thách thì được đương nhiên xóa án^(**). Vì vậy, không áp dụng thời hiệu thi hành án 5 năm đối với người được hưởng án treo mà chỉ cần họ không phạm tội mới trong thời gian thử thách thì bản án phạt tù không được thi hành đối với họ.

(**) Được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 28-12-1989...

2. Trong các thời hạn nói trên, người bị kết án không bị xử phạt về một tội phạm mới. Nếu bị xử phạt về một tội phạm mới, thì thời hiệu tính theo bản án mới trong đó có tổng hợp hình phạt mới với hình phạt của bản án cũ. Trường hợp phạm tội mới mà

chỉ bị phạt cảnh cáo, thì thời hiệu bản án cũ vẫn tính từ ngày bản án cũ đó có hiệu lực pháp luật.

3. Trong các thời hạn nói trên người bị án không cố tình trốn tránh việc thi hành án và không có lệnh truy nã. Nếu cố tình trốn tránh và có lệnh truy nã thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu sẽ tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt. Cố tình trốn tránh là: cố tình giấu địa chỉ, ẩn náu làm cho các cơ quan thi hành án không biết họ ở đâu, hoặc trốn ra nước ngoài.

Thời hiệu thi hành bản án chỉ áp dụng đối với những bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không được thi hành vì bị bỏ quên hoặc bị thất lạc. Trường hợp người bị kết án được tạm hoãn thi hành bản án trong một thời gian thì sau khi hết hạn tạm hoãn họ phải chấp hành án. Tuy nhiên, đối với những người phạm tội nhẹ, chỉ bị xử phạt từ 5 năm tù trở xuống mà vì bệnh tật, sinh đẻ hoặc hoàn cảnh quá khó khăn, được tạm hoãn thi hành án nhiều lần, thời gian tạm hoãn đã bằng thời hiệu thi hành án mà trong thời gian đó, họ không phạm tội mới, không còn nguy hiểm cho xã hội nữa thì Toà án ra quyết định miễn chấp hành hình phạt tù. Trong trường hợp bản án chậm được thi hành, nhưng khi đưa ra thi hành án, lại phải tạm hoãn nhiều lần thì thời gian trước khi bản án được đưa ra thi hành cũng được tính vào thời gian tạm hoãn. Trường hợp người bị kết án được tạm ngừng thụ hình thì phần hình phạt còn lại cũng được giải quyết như trường hợp tạm hoãn.

III- ÁP DỤNG THỜI HIỆU ĐỐI VỚI CÁC HÌNH PHẠT CHÍNH KHÁC, CÁC HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ BỒI THƯỜNG

1. Điểm a Điều 46 không nói đến phạt tiền, cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của Quân đội nhưng các hình phạt này đều nhẹ hơn hình phạt tù nên cũng áp dụng thời hiệu thi hành án như đối với trường hợp phạt tù từ 5 năm trở xuống.

Trường hợp bản án đã được đưa ra thi hành mà người bị kết án không có khả năng nộp phạt, đã cho tạm hoãn nhiều lần và kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đã quá 10 năm mà người bị kết án vẫn không có khả năng nộp phạt, được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương xác nhận thì Toà án sẽ xét cho họ miễn chấp hành hình phạt.